

Số: **29** /2018/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **21** tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế Thi đua, Khen thưởng tỉnh Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 /10/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón tiếp khách nước ngoài;

Căn cứ Thông tư 08/2017/TT - BNV ngày 27/10/2017 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 91/2017/NĐ - CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Thi đua, Khen thưởng tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **01** tháng **12** năm 2018 và thay thế Quyết định số 27/2013/QĐ-UBND, ngày 29 tháng 10 năm 2013 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy chế Thi đua, Khen thưởng.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Ban TĐKT TW;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- CT, các PCTUBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Chính

QUY CHẾ

Thi đua, Khen thưởng tỉnh Quảng Trị

(Ban hành theo Quyết định số: **29** /2018/QĐ-UBND
ngày **21** tháng **11** năm 2018 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Nội dung thi đua, tổ chức phong trào thi đua, tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền quyết định khen thưởng; trình tự thủ tục khen thưởng; quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng; quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể được khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng thi đua: Công dân Việt Nam, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, gia đình trên địa bàn tỉnh, các tổ chức và cá nhân ngoài tỉnh, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam.

2. Đối tượng khen thưởng: Các đối tượng quy định tại Khoản 1 điều này, có thành tích xuất sắc, tiêu biểu đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh được khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và của Quy chế này.

3. Khen thưởng theo Giải thưởng Bùi Dục Tài, khen thưởng Giải thưởng Chế Lan Viên, Giải thưởng công nhân viên chức, lao động và khen thưởng các doanh nghiệp, doanh nhân có thành tích xuất sắc trong nghĩa vụ nộp thuế vào ngân sách nhà nước, khen thưởng nông thôn mới, khen thưởng huấn luyện viên và vận động viên thể thao lập thành tích trong thi đấu, Giải thưởng Văn học - Nghệ thuật, Giải thưởng Báo chí, Giải thưởng Khoa học - Công nghệ trên địa bàn tỉnh có Quy chế riêng.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua: Thi đua thực hiện trên nguyên tắc tự nguyện, tự giác, công khai, đảm bảo tinh thần đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển. Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua. Mọi cá nhân, tập thể tham gia

phong trào thi đua đều phải có đăng ký giao ước thi đua; xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu thi đua; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

2. Nguyên tắc khen thưởng: Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời. Thành tích đề nghị khen thưởng phải rõ ràng, cụ thể, đạt được ở mức độ nào thì khen thưởng ở mức độ đó, khen thưởng đột xuất, khen thưởng công lao cống hiến lâu dài không nhất thiết theo trình tự từ mức khen thấp đến mức khen cao; không cộng dồn thành tích đã khen của lần trước để nâng mức khen lần sau; không nhất thiết lần khen sau phải khen cao hơn lần trước. Mỗi hình thức khen thưởng có thể tặng thưởng nhiều lần cho một đối tượng. Không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được. Hình thức khen thưởng theo đợt, chuyên đề không tính làm điều kiện, tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước.

Trong 01 năm không đề nghị cấp trên xét, tặng 02 hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho một tập thể hoặc một cá nhân (trừ thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất; khen thưởng quá trình cống hiến; khen thưởng theo niên hạn); một năm không đề nghị hai hình thức khen thưởng cấp tỉnh (danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng) cho một đối tượng (trừ thành tích đặc biệt xuất sắc).

Chú trọng khen thưởng các đơn vị trong điều kiện thực hiện nhiệm vụ khó khăn nhưng đã năng động, sáng tạo hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thành tích có phạm vi ảnh hưởng lớn, quan tâm khen thưởng cá nhân là người trực tiếp lao động, công tác, chiến đấu (công nhân, nông dân, chiến sỹ) và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, công tác (tỷ lệ 55% trên tổng số cá nhân được đề nghị khen thưởng); đồng thời khi xét thi đua cần chia thành hai nhóm đối tượng: Nhóm lãnh đạo, quản lý và nhóm người lao động trực tiếp để xét, khen thưởng có tỷ lệ phù hợp; nhân rộng được điển hình tiên tiến. Khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là chính; trước hết các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền trực tiếp quản lý các tập thể nhỏ, cá nhân; xem xét quyết định khen thưởng kịp thời với các hình thức biểu dương, công nhận danh hiệu thi đua, giấy khen, bằng khen, thưởng vật chất thích hợp. Những trường hợp đạt thành tích xuất sắc, tiêu biểu thì đề nghị cấp trên khen thưởng.

Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể các cấp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phải thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng để bình xét thành tích thi đua đối với các tập thể, cá nhân của đơn vị mình và xét chọn đề nghị lên cơ quan có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng

1. Chủ tịch UBND tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng của tỉnh. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện chức năng tư vấn, tham mưu giúp Chủ tịch UBND tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng trong toàn tỉnh. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh làm nhiệm vụ là cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, có trách nhiệm tham mưu giúp Chủ tịch UBND tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện tốt công tác thi đua,

khen thưởng, đề xuất phương pháp đổi mới công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn.

2. Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chủ trì, phối hợp với tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cùng cấp để tổ chức phong trào thi đua, nhân rộng phong trào thi đua trong phạm vi mình quản lý. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của ngành, địa phương có trách nhiệm giúp Thủ trưởng các ngành, UBND các địa phương tổ chức phát động các phong trào thi đua trong phạm vi ngành, địa phương; nghiên cứu, đề xuất phương pháp đổi mới công tác thi đua, khen thưởng phù hợp với tình hình thực tế. Phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xứng đáng để khen thưởng hoặc đề nghị lên cấp trên khen thưởng.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình:

- Tổ chức và phối hợp với các cơ quan nhà nước để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến;

- Phối hợp thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên, tham gia với các cơ quan chức năng để tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng;

- Giám sát việc thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản pháp luật có liên quan;

4. Các cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền công tác thi đua, khen thưởng; phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, cổ động phong trào thi đua. Phát hiện các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; đấu tranh, phê phán các hành vi vi phạm Luật Thi đua, Khen thưởng.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 5. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng

một cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo cụm, khối thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, trưởng các cụm, khối thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

2. Thi đua theo đợt (chuyên đề) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm hoặc một lĩnh vực cần tập trung được xác định trong khoảng thời gian nhất định để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Chỉ phát động thi đua theo đợt khi đã xác định rõ thời gian mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung và giải pháp.

Điều 6. Phát động thi đua

Việc phát động và chỉ đạo phong trào thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 18 Luật Thi đua, Khen thưởng.

Chủ tịch UBND các cấp; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong ngành, lĩnh vực, phạm vi địa phương, phạm vi cơ quan, tổ chức, đơn vị mình phụ trách.

Điều 7. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Thực hiện theo Điều 5 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Điều 5 Thông tư 08/2017/TT- BNV ngày 27/10/2017 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

Điều 8. Các danh hiệu thi đua

1. Đối với cá nhân: Chiến sỹ thi đua toàn quốc; Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh và cấp bộ, ngành Trung ương; Chiến sỹ thi đua cơ sở; Lao động tiên tiến; Chiến sỹ tiên tiến (đối với các lực lượng vũ trang nhân dân).

2. Đối với tập thể: Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua của UBND tỉnh, Tập thể lao động xuất sắc, Tập thể lao động tiên tiến; Đơn vị quyết thắng và Đơn vị tiên tiến (đối với các lực lượng vũ trang nhân dân); Thôn (bản, khu dân cư) văn hóa.

3. Đối với hộ gia đình: Gia đình văn hóa.

Điều 9. Tiêu chuẩn Lao động tiên tiến, Chiến sỹ tiên tiến

Danh hiệu Lao động tiên tiến và Chiến sỹ tiên tiến được xét tặng cho các đối tượng đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 6, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 và khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 10 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ.

Điều 10. Tiêu chuẩn Chiến sỹ thi đua cơ sở

Danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở được xét tặng hàng năm cho cá nhân có thành tích xuất sắc đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sỹ tiên tiến”; Có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, có giải pháp công tác, có đề tài nghiên cứu hoặc áp dụng công nghệ, giải pháp kỹ thuật mới để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả

công tác, hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc;

Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu khoa học do Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp cơ sở giúp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, công nhận. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu do Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp cơ sở giúp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét công nhận.

Điều 11. Tiêu chuẩn Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh

Danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất trong số những cá nhân ba lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở và thành tích được công nhận có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, giải pháp mới, hoặc áp dụng công nghệ mới, nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả công tác phải có phạm vi phổ biến rộng rãi trong ngành, địa phương trong tỉnh đem lại hiệu quả thiết thực được Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp tỉnh xem xét công nhận.

Điều 12. Tiêu chuẩn Chiến sỹ thi đua toàn quốc

Danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất trong số những cá nhân có hai lần liên tục (06 năm liền) đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương và thành tích, sáng kiến của cá nhân đó có ảnh hưởng trong phạm vi toàn quốc có 90% thành viên trên tổng số thành viên Hội đồng Khoa học, sáng kiến xem xét, đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và công nhận sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu cấp tỉnh công nhận; có 90% thành viên trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh đồng ý. Thời điểm trình Thủ tướng Chính phủ xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” là năm liền kề với năm có quyết định công nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh lần 2.

Điều 13. Phạm vi xét tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc, Đơn vị quyết thắng

- Đối với cấp tỉnh: Xét tặng đối với phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương;

- Đối với cấp huyện, thành phố, thị xã: Xét tặng phòng, ban và tương đương trực thuộc UBND huyện, thành phố, thị xã. Xét tặng UBND xã, phường, thị trấn.

- Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh: Xét tặng các đơn vị trực thuộc công ty như: phòng, xí nghiệp, phân xưởng.

- Ngành Y tế: Xét tặng các phòng, trung tâm thuộc Sở; Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Trường Cao đẳng Y tế và các khoa thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện chuyên khoa lao và bệnh phổi Quảng Trị; khoa, phòng thuộc Trường Cao đẳng Y tế; Bệnh viện, Trung tâm y tế tuyến huyện và tương đương.

- Ngành Giáo dục và Đào tạo: Xét hệ thống các trường học, (không xét tổ, nhóm thuộc trường).

- Các đơn vị cấp 2 thuộc sở và tương đương: Xét đơn vị và các phòng thuộc đơn vị đó.

Điều 14. Danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, Đơn vị tiên tiến, Tập thể lao động xuất sắc, Đơn vị quyết thắng

1. Danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, kế hoạch được giao.
- b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả.
- c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu Lao động tiên tiến và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tổ chức Đảng hoàn thành nhiệm vụ, đoàn thể trong đơn vị đạt khá trở lên.

2. Danh hiệu Đơn vị tiên tiến được xét tặng cho tập thể thuộc Lực lượng vũ trang nhân dân đạt các tiêu chuẩn tại các Điều: a, b, d, Khoản 1 Điều này, có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu Chiến sỹ tiên tiến và không có cá nhân bị hình thức kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

3. Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc được xét tặng hàng năm cho tập thể tiêu biểu, xuất sắc nhất trong số các tập thể đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến và đạt được các tiêu chuẩn sau:

- a) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả.
- c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến.
- d) Phải có cá nhân đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.
- đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tổ chức Đảng, đoàn thể đạt trong sạch, vững mạnh.

4. Danh hiệu Đơn vị quyết thắng được xét tặng hàng năm cho tập thể tiêu biểu, xuất sắc nhất trong số các tập thể đạt danh hiệu Đơn vị tiên tiến thuộc Lực lượng vũ trang nhân dân đạt các tiêu chuẩn quy định như danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc và có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu Chiến sỹ tiên tiến thì được xét tặng danh hiệu Đơn vị quyết thắng.

Điều 15. Cờ thi đua của UBND tỉnh

1. Đối tượng xét tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh:

- a) Cờ thi đua của UBND tỉnh được xét tặng hàng năm cho các sở, ban, ngành, các ban đảng, mặt trận, đoàn thể và cấp tương đương của tỉnh; các huyện, thành phố, thị xã, trong tỉnh, các doanh nghiệp trong Khối thi đua có thành tích tiêu biểu xuất sắc được suy tôn là đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua của các Khối thi đua trong tỉnh.

b) Các Ban, Chi cục, Trung tâm và các Ban quản lý thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh.

c) Hợp tác xã, trường học, bệnh viện thuộc Khối thi đua của tỉnh có thành tích xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua mỗi ngành, lĩnh vực.

d) Các xã, phường, thị trấn thuộc Khối thi đua của Huyện, Thành phố, Thị xã.

2. Tiêu chuẩn xét tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh: Xét tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc của tỉnh.

b) Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác thuộc tỉnh học tập.

c) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

Điều 16. Cờ thi đua của Chính phủ

Cờ thi đua của Chính phủ được xét tặng cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 7, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013, được bình chọn theo các Khối thi đua của tỉnh suy tôn “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng cho các tập thể sau:

1. Các tập thể xuất sắc nhất trong tổng số tập thể xuất sắc đạt tiêu chuẩn Cờ thi đua cấp bộ, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. (số lượng đề nghị tặng cờ thi đua của Chính phủ không quá 20% tổng số những tập thể được xét tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh)

2. Các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh dẫn đầu phong trào thi đua của các cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương tổ chức.

3. Các tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động được đánh giá khi sơ kết, tổng kết từ 05 năm trở lên.

(Khi bỏ phiếu suy tôn Cờ thi đua của UBND tỉnh, Cờ thi đua của Chính phủ cho các đơn vị trong Khối thi đua mà số lượng chỉ một đơn vị duy nhất để suy tôn thì số phiếu phải đạt trên 50% trong tổng số phiếu của các đơn vị có mặt dự họp; (nếu bỏ phiếu từ 2 đơn vị trở lên để suy tôn thì lấy phiếu từ cao xuống thấp).

Điều 17. Danh hiệu Gia đình văn hóa

Danh hiệu Gia đình văn hóa được xét tặng hàng năm cho các gia đình đạt các tiêu chuẩn được quy định tại Điều 29 của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003 và mục 3, khoản 46, Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013.

Điều 18. Danh hiệu thôn (bản, khu dân cư) văn hóa

Danh hiệu thôn (bản, khu dân cư) văn hóa được xét công nhận hàng năm cho các thôn đạt các tiêu chuẩn được quy định tại Điều 30 và khoản 2, Điều 80 của Luật Thi đua, Khen thưởng.

Ngoài quy định của UBND tỉnh về danh hiệu thôn (bản, khu dân cư) văn hóa, cơ quan văn hóa trên đây: Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh,

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch căn cứ các văn bản của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch về hướng dẫn chỉ đạo cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” để vận dụng xây dựng các tiêu chí thi đua và danh hiệu thi đua Thôn (bản, khu dân cư) văn hóa, cơ quan văn hóa phù hợp với địa bàn dân cư và tình hình đặc điểm của đơn vị, địa phương.

Điều 19. Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các cơ quan làm công tác Đảng, các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp, lực lượng vũ trang nhân dân, ngành Tòa án, Viện Kiểm sát nhân dân, Giáo dục và Đào tạo, các sở, ban, ngành, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, căn cứ quy chế và các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, thống nhất với Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh để cùng phối hợp thực hiện.

Chương III **HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG**

Điều 20. Các hình thức khen thưởng và danh hiệu vinh dự Nhà nước

1. Các hình thức khen thưởng: Các hình thức khen thưởng bao gồm các loại huân chương, huy chương; các danh hiệu vinh dự Nhà nước; giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước; kỷ niệm chương và Huy hiệu; bằng khen, giấy khen theo quy định tại Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013.

2. Các hình thức, tiêu chuẩn và quy trình xét đề nghị tặng thưởng các loại huân chương, huy chương, các danh hiệu vinh dự Nhà nước, giải thưởng Nhà nước, giải thưởng Hồ Chí Minh, Kỷ niệm chương, Huy hiệu của các Bộ, ngành Trung ương, tỉnh; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo các điều, khoản của Luật Thi đua, Khen thưởng, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng của Chính phủ, các văn bản hướng dẫn của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và các bộ, ngành Trung ương.

Việc khen thưởng cho các đối tượng giữ các chức vụ quản lý, lãnh đạo được quy định trong Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng, có quá trình cống hiến lâu dài trong các cơ quan, tổ chức, đoàn thể, trước hết triển khai thực hiện cho các trường hợp đã từ trần, đã nghỉ hưu mà chưa được khen thưởng và các trường hợp có quyết định thông báo nghỉ chế độ; các đối tượng khác chỉ xét và đề nghị khen thưởng khi cán bộ đó sắp đến tuổi nghỉ chế độ mà không còn đủ số năm công tác tiếp theo để được đề nghị khen thưởng ở mức cao hơn.

Các sở, ban, ngành, địa phương xem xét trình khen thưởng quá trình cống hiến cho cá nhân đủ điều kiện, tiêu chuẩn trước khi nghỉ chế độ 06 tháng.

Điều 21. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng thưởng cho các đối tượng sau:

1. Tập thể, cá nhân có thành tích mưu trí, dũng cảm cứu người, cứu tài sản, gương người tốt, việc tốt, đạt giải trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn cấp quốc gia (khu vực, vùng, miền do Trung ương tổ chức) và đạt giải nhất cấp tỉnh.

2. Tặng thưởng Bằng chứng nhận tâm lòng vàng của Chủ tịch UBND tỉnh kèm theo tặng phẩm lưu niệm (tương đương với mức thưởng đã được xác định của cấp ra quyết định khen thưởng) cho tổ chức, cơ quan, cá nhân trong tỉnh, ngoài tỉnh và nước ngoài có thành tích xuất sắc trong hoạt động nhân đạo, từ thiện, thực hiện chương trình an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh, góp phần vào sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh.

3. Khen thưởng đối với các cơ quan nhà nước trung ương và các doanh nghiệp nhà nước Trung ương trên địa bàn: Hàng năm mỗi đơn vị chọn từ 2 đến 3 tập thể, 3 đến 5 cá nhân có thành tích thật sự tiêu biểu để đề nghị UBND tỉnh xem xét, khen thưởng.

4. Tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong phong trào thi đua, việc thực hiện các chương trình mục tiêu, các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương Đảng, Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các đợt thi đua (khen thưởng theo chuyên đề).

* Trường hợp có những tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc trong công tác tổ chức triển khai thực hiện đợt thi đua theo chuyên đề mang lại hiệu quả trên lĩnh vực văn hóa, kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng được các cấp, các ngành và xã hội thừa nhận thì có thể đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen và mức tối đa là Huân chương Lao động hạng Ba hoặc Huân chương Bảo vệ tổ quốc hạng Ba.

5. Tặng thưởng cho các tập thể, cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

Không lấy danh hiệu thi đua làm tiêu chuẩn xét tặng các hình thức khen thưởng đối với tập thể, cá nhân.

a) Tặng thưởng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do tỉnh phát động hàng năm;

- Lập được nhiều thành tích, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực của tỉnh;

- Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở; đối với công nhân, nông dân, người lao động lập được nhiều thành tích trong lao động sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp.

b) Tặng thưởng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;
- Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực của tỉnh;

- Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách pháp luật.

c) Bằng khen của tỉnh đề tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

Hàng năm Thủ trưởng các đơn vị phải xem xét ra Quyết định công nhận tập thể, cá nhân trong đơn vị mình đạt “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” để làm cơ sở xét các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh, Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước.

Điều 22. Giấy khen

Giấy khen của Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; xã, phường, thị trấn; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban ngành và cơ quan tương đương thuộc tỉnh; Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước tặng thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích dũng cảm cứu người, cứu tài sản, gương người tốt, việc tốt, có thành tích cao trong các đợt thi đua ngắn ngày, tặng thưởng cho các tập thể, cá nhân ngoài địa phương, đơn vị có nhiều đóng góp cho địa phương, đơn vị (khen thưởng đột xuất). Tặng thưởng hàng năm cho các tập thể, cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Đối với tập thể:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ đối với Nhà nước. Nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt Quy chế dân chủ và tổ chức tốt các phong trào thi đua. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể. Chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

b) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua.

c) Có thành tích đột xuất

2. Đối với cá nhân:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ đối với Nhà nước. Có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

b) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua.

c) Có thành tích đột xuất.

(Các tập thể không thuộc đối tượng tặng Cờ thi đua khi xét khen thưởng có tiêu chuẩn Cờ thi đua thì được lấy Bằng khen của UBND tỉnh khen thưởng theo công trạng và thành tích để làm cơ sở xét khen thưởng).

Chương IV
**THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG, TRAO THƯỞNG,
THỦ TỤC, HỒ SƠ THỜI GIAN XÉT ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG**

Điều 23. Thẩm quyền quyết định tặng thưởng, đề nghị khen thưởng các danh hiệu và các hình thức khen thưởng

1. Thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua thực hiện theo các Điều: 78, 79, 80 Luật Thi đua, Khen thưởng.

2. Thẩm quyền quyết định xét tặng các danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến”, “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”; được thực hiện như sau:

- Đối với cán bộ, công chức, viên chức, công nhân, lao động làm việc trong các cơ quan, đơn vị (gồm các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; các đơn vị sự nghiệp: trường học, bệnh viện...) danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến” do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban ngành cấp tỉnh và tương đương theo thẩm quyền xét tặng;

- Đối với sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sỹ quan, chiến sỹ, công nhân viên thuộc Quân đội nhân dân, Công an nhân dân việc xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ tiên tiến”, “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, “Đơn vị tiên tiến” do Thủ trưởng cơ quan và tương đương trực thuộc tỉnh quyết định;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tặng giấy khen, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Gia đình văn hóa”.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã quyết định tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” và “giấy khen.”

- Khen thưởng các Hội đặc thù theo Quyết định số 202/QĐ-UBND, ngày 13/02/2012 của UBND tỉnh (trừ hai đơn vị: Hội Chữ thập đỏ tỉnh, Liên minh HTX và doanh nghiệp ngoài quốc doanh): Chỉ xem xét khen thưởng theo các chuyên đề

- Việc bình xét chiến sỹ thi đua cấp cơ sở phải đảm bảo tính điển hình tiên tiến và tối đa không quá 15% trên tổng số lao động tiên tiến của cơ quan, đơn vị.

- Bình xét danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” không quá 50% trên tổng số tập thể được công nhận tập thể “Lao động tiên tiến” của cơ quan, đơn vị.

3. Tỷ lệ phiếu bầu: Hội đồng Thi đua – Khen thưởng các đơn vị khi xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng: Phải được các thành viên của Hội đồng bỏ phiếu kín và có tỷ lệ phiếu bầu từ 80% trở lên (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu). Trừ danh hiệu chiến thi đua cấp tỉnh, chiến sỹ thi đua toàn quốc, Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang đã có quy định tại khoản 8, Điều 45, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Điều 24. Thẩm quyền xét duyệt, cho ý kiến hồ sơ khen thưởng

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến trước khi trình các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua: Xem xét, công nhận cán bộ hoạt động cách mạng trước ngày tổng khởi nghĩa năm 1945; cho ý kiến trước khi UBND tỉnh trình các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua: Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân, Anh hùng lao động, Huân chương Quân công, Huân chương Độc lập, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương sao vàng, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Nhà giáo nhân dân, thầy thuốc nhân dân, Nghệ sỹ nhân dân.

2. Thường trực Tỉnh ủy cho ý kiến trước khi trình các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua: Huân chương lao động, Chiến sỹ thi đua toàn quốc, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc ưu tú, Nghệ sỹ ưu tú cho các cá nhân diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

3. Về việc công nhận danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ký quyết định khen thưởng cho các đối tượng trên cơ sở hồ sơ đề nghị của các địa phương, đơn vị; Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thẩm định, tổng hợp danh sách và báo cáo trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định khen thưởng.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét duyệt, đề nghị tặng thưởng các trường hợp khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ gồm: Chiến sỹ thi đua toàn quốc, Cờ thi đua của Chính phủ và Huân chương các loại. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét duyệt, trình Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng thưởng Bằng khen cho các tập thể, cá nhân có thành tích.

5. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh chịu trách nhiệm thẩm định, xét duyệt hồ sơ khen thưởng để tham mưu cho UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét duyệt khen thưởng các trường hợp thuộc thẩm quyền.

Tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh các trường hợp Bộ, ngành Trung ương đề nghị UBND tỉnh hiệp ý để trình Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước khen thưởng. Tham mưu cho Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh các trường hợp ngành, địa phương, doanh nghiệp đề nghị hiệp ý để trình các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương khen thưởng.

6. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các Sở, Ban ngành, địa phương chịu trách nhiệm thẩm định, xét duyệt hồ sơ thuộc thẩm quyền của các Sở, Ban ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã quyết định khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

Điều 25. Thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Thủ tục, hồ sơ thuộc thẩm quyền quyết định khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước thực hiện theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, ngày 31/7/2017 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương. Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh căn cứ các hướng dẫn của Trung ương để hướng dẫn cụ thể.

2. Thủ tục, hồ sơ thuộc thẩm quyền quyết định khen thưởng của UBND tỉnh.

a) Cờ thi đua của UBND tỉnh:

Sau khi bình xét và suy tôn các đơn vị trong Khối thi đua, Trưởng Khối tổng hợp danh sách đề nghị khen thưởng trình UBND tỉnh (qua Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh)

- Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị tặng Cờ thi đua của Khối;
- Biên bản bình xét và kết quả bỏ phiếu kín đề nghị của Hội nghị bình xét Khối;
- Báo cáo thành tích của các tập thể đề nghị xét tặng Cờ thi đua.

b) Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh:

- Tờ trình đề nghị công nhận danh hiệu thi đua của Thủ trưởng đơn vị cơ sở;
- Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở;
- Báo cáo thành tích của cá nhân đề nghị công nhận danh hiệu thi đua (có xác nhận của đơn vị trình khen thưởng);
- Báo cáo tóm tắt những sáng kiến giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu có ảnh hưởng đến toàn tỉnh; hoặc Bằng sáng lao động tạo của tổng Liên đoàn hoặc chứng nhận tham gia đề tài nghiên cứu cấp tỉnh được Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp cơ sở công nhận.

(Kèm theo bản phô tô các Quyết định công nhận Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở 03 năm liền kề của cá nhân đề nghị).

c). Bằng khen của UBND tỉnh, Tập thể Lao động xuất sắc, Đơn vị quyết thắng:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng của Thủ trưởng đơn vị cơ sở;
- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân 02 năm liền tục được đề nghị khen thưởng (có xác nhận của đơn vị trình khen thưởng);
- Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của đơn vị xét, đánh giá thành tích của các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng.

(Việc đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh theo Điều 21 của Quy chế này: Đối với tập thể kèm theo các Quyết định xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Đơn vị quyết thắng 02 năm liền kề; đối với cá nhân kèm theo bản phô tô các Quyết định xếp loại 02 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ liền kề và Quyết định công nhận sáng kiến, giải pháp công tác của 02 năm... kèm theo).

d) Thủ tục đơn giản (khen thưởng đột xuất)

- Các trường hợp được xét khen thưởng theo thủ tục đơn giản thực hiện theo Điều 85 Luật Thi đua, Khen thưởng;

- Chủ tịch UBND các cấp, thủ trưởng các ngành xét và đề nghị cấp trên khen thưởng ngay sau khi cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc, đột xuất;

- Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản gồm có: Tờ trình đề nghị của Sở, Ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố; Bản tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị trực tiếp ghi rõ hành động, thành tích, công trạng đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

3. Mẫu báo cáo đề nghị tặng thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo mẫu của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

4. Lưu trữ hồ sơ khen công tác năm, khen chuyên đề và khen đột xuất: Được thực hiện theo quy định hiện hành về Lưu trữ.

Điều 26. Quy định về tuyển trình khen

1. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi mình quản lý.

2. Đối với các đơn vị kinh tế ngoài quốc doanh, các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh... cấp nào quyết định thành lập tổ chức thì cấp đó trình khen và được cụ thể hóa như sau:

a) Các công ty do UBND tỉnh quyết định thành lập (cổ phần, doanh nghiệp...) là thành viên Khối thi đua, khen thưởng của tỉnh; các doanh nghiệp thuộc tỉnh và Bộ, ngành của Trung ương quản lý do Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Giám đốc doanh nghiệp trình khen; các doanh nghiệp khác thuộc ngành, lĩnh vực có liên quan đến quản lý nhà nước thì ngành đó trình khen hoặc hiệp y đề nghị để xét khen;

b) Các doanh nghiệp không thuộc Khối thi đua của tỉnh, không thuộc quản lý của ngành, lĩnh vực mà đóng trên địa phương (huyện, thành phố, thị xã) nào thì địa phương đó trình khen. Riêng đối với các công ty liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài, trụ sở công ty, doanh nghiệp đóng trên địa phương (huyện, thành phố, thị xã) nào thì địa phương đó trình khen thưởng (trừ các đơn vị là thành viên của Tập đoàn kinh tế hoặc thành viên của Tổng công ty Nhà nước (do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập) thì do Tổng công ty hoặc Tập đoàn kinh tế trình khen) theo thẩm quyền Chủ tịch nước hoặc Thủ tướng Chính phủ.

c) Các HTX ở địa phương nào thì địa phương đó xem xét khen thưởng và trình cấp trên đề nghị khen thưởng

3. Các tập thể, cá nhân của các Bộ, ngành Trung ương, các trường đại học, viện nghiên cứu, tập đoàn kinh tế, người nước ngoài... nếu có nhiều đóng góp cho tỉnh Quảng Trị và các địa phương trong tỉnh thì Thủ trưởng các Sở, Ban ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các địa phương đó quyết định khen thưởng hoặc đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen.

4. Ngành, địa phương nào được UBND tỉnh giao chủ trì phát động, tổ chức các đợt thi đua theo chuyên đề, thì ngành đó, địa phương đó chủ trì phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh để hướng dẫn xét chọn khen thưởng. Đối tượng được khen thưởng theo chuyên đề phải có thành tích cụ thể, tiêu biểu, xuất sắc đảm bảo theo quy định tại Khoản 2, Điều 21 của Quy chế này.

5. Đối với những đơn vị thuộc đối tượng có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước và nộp Bảo hiểm xã hội cho người lao động, khi trình khen thưởng thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh trở lên phải có xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, nộp Bảo hiểm xã hội cho người lao động.

6. Hồ sơ:

- Hồ sơ khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh: Theo quy định.

- Hồ sơ khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước: Theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng

- Thành phần hồ sơ đề nghị khen thưởng, gồm: Tờ trình, Báo cáo thành tích....
(Báo cáo thành tích khen thưởng phải ghi rõ số Quyết định, ngày, tháng, năm, cơ quan ban hành Quyết định khen thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; các sáng kiến, đề tài khoa học đã được các cấp công nhận, kèm theo các giấy tờ chứng minh thành tích đạt được (tên đơn vị, tên chức danh của cá nhân không được viết tắt).

Điều 27. Quy định thời gian nộp báo cáo tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; Bản đăng ký giao ước thi đua; hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Báo cáo tổng kết công tác thi đua, khen thưởng gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh trước ngày 25 tháng 12 hàng năm.

2. Bản đăng ký giao ước thi đua và hồ sơ đề nghị khen thưởng tổng kết công tác năm gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh trước ngày 15 tháng 3 hàng năm. Các trường hợp khen thưởng tổng kết các chương trình mục tiêu, khen thưởng chuyên đề gửi trước ngày trao thưởng ít nhất 15 ngày làm việc, trường hợp khen thưởng đột xuất trước 07 ngày làm việc.

3. Thời gian trình khen thưởng:

- Khen thưởng theo kế hoạch hàng năm, thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh nhận hồ sơ từ ngày 01/12 đến ngày 15/01 hàng năm.

- Đối với khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ, hồ sơ gửi về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) một đợt trước ngày 30/01 hàng năm. Riêng danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc hồ sơ gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh trước ngày 30/4 hàng năm.

- Hồ sơ đề nghị công nhận đề tài, sáng kiến, giải pháp cấp tỉnh gửi về Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) trước ngày 30/12 hàng năm.

- Riêng Khối Giáo dục và Đào tạo nộp Bản đăng ký giao ước thi đua từ đầu năm học. Báo cáo tổng kết công tác thi đua, khen thưởng và hồ sơ đề nghị khen thưởng năm học thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh trước ngày 10 tháng 7 hàng năm.

Điều 28. Quy định Nghi lễ tổ chức trao tặng và đón nhận các phần thưởng cao quý của Đảng

Nghi lễ tổ chức trao tặng và đón nhận các phần thưởng cao quý của Đảng, Nhà nước thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ. Yêu cầu của buổi lễ phải được tổ chức trang

trọng, thiết thực, tạo ra sự phấn khởi, lòng tự hào, khí thế mới để tiếp tục thi đua lập thành tích cao hơn và giữ vững truyền thống.

Mỗi trường hợp được tặng thưởng chỉ tổ chức trao tặng và đón nhận một lần ở một cấp xét thấy có tác dụng giáo dục nêu gương tốt nhất.

Nếu có nhiều trường hợp được tặng thưởng trong cùng một khoảng thời gian thì tổ chức trao tặng và đón nhận chung trong một buổi lễ; nếu trong khoảng thời gian đó có ngày kỷ niệm của địa phương, đơn vị, ngày lễ lớn của đất nước thì tổ chức trao tặng kết hợp trong buổi lễ kỷ niệm. Các trường hợp khen thưởng đột xuất do đơn vị đề nghị khen thưởng tổ chức trao tặng kịp thời.

Điều 29. Quy định mẫu Bằng khen, giấy khen, giấy chứng nhận khen thưởng

Quy định mẫu bằng khen, giấy khen, giấy chứng nhận khen thưởng: Về hình thức nội dung thực hiện theo Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ và Thông tư số 02/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ.

Chương V

QUYỀN LỢI CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

Điều 30. Cá nhân, tập thể được công nhận các danh hiệu thi đua và được khen thưởng các hình thức khen thưởng được nhận giấy chứng nhận, khung, bằng, hiện vật, tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm kèm theo.

Điều 31. Đối với các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, của Chủ tịch nước thì Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận Bằng, hiện vật để tổ chức trao thưởng cho các đối tượng theo quy định.

Điều 32. Cá nhân được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh trở lên: Làm cơ sở đề nghị bổ nhiệm, luân chuyển, quy hoạch cán bộ; ưu tiên xét nâng lương trước thời hạn, ưu tiên cử đi nghiên cứu học tập, công tác, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và nước ngoài.

Chương VI

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; MỨC THƯỞNG VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 33. Nguồn và mức trích Quỹ Thi đua, Khen thưởng

1. Quỹ thi đua khen thưởng của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm trong tổng chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách thuộc các tỉnh, thành phố và được phân bổ ngay từ đầu năm theo tỷ lệ sau:

a) Quỹ thi đua khen thưởng của sở, ban, ngành cấp tỉnh được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 20% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài;

b) Quỹ thi đua khen thưởng của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 1,0% chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách thuộc các tỉnh đồng bằng, thành phố và mức tối đa bằng 1,5% chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách thuộc các tỉnh miền núi, trung du, Tây Nguyên, vùng sâu, vùng xa và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng của tổ chức chính trị, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội được cấp từ nguồn ngân sách nhà nước (căn cứ tính chất hoạt động của từng tổ chức, Sở Tài chính thống nhất tỷ lệ cấp hàng năm) và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước.

3. Đối với các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp do các tổ chức này tự quyết định từ nguồn khả năng tài chính của mình và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài.

4. Quỹ thi đua, khen thưởng của các doanh nghiệp nhà nước được trích từ quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản doanh nghiệp.

5. Việc thành lập, quản lý, sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế (trừ các doanh nghiệp nhà nước quy định tại khoản 5 Điều này) do doanh nghiệp tự quyết định, tự chịu trách nhiệm sau khi thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Nhà nước.

6. Quỹ thi đua, khen thưởng của các hợp tác xã nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, hợp tác xã vận tải, hợp tác xã xây dựng, hợp tác xã nghề cá, nghề muối và trong các lĩnh vực khác được trích từ quỹ không chia của hợp tác xã (mức trích do hợp tác xã quyết định) và nguồn đóng góp của các cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước.

Điều 34. Quỹ Thi đua, Khen thưởng

Quỹ Thi đua, Khen thưởng được sử dụng để chi các khoản sau:

1. Chi thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm theo các quyết định khen thưởng.
2. Chi in ấn giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen; làm khung giấy khen, khung bằng khen, thêu cờ thi đua; làm hiện vật khen thưởng, huy hiệu, hộp, kỷ niệm chương.

3. Chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua: Mức trích không quá 20% trong tổng Quỹ Thi đua, Khen thưởng của từng cấp để chi cho các nhiệm vụ sau:

- Chi tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng;

- Chi xây dựng, tổ chức và triển khai các phong trào thi đua; chi tập huấn nghiệp vụ thi đua, khen thưởng; chi biểu mẫu hồ sơ khen thưởng, chi tổ chức hội nghị ký kết giao ước thi đua; hội nghị sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến;

- Chi phát động các phong trào thi đua, khen thưởng theo đợt, chuyên đề, thường xuyên, cao điểm trong ngành, lĩnh vực, trong phạm vi cơ quan, tổ chức, tỉnh, ngành, địa phương; các hoạt động thi đua, khen thưởng cụm, khối; chi kiểm tra, chỉ đạo, giám sát việc thực hiện phong trào thi đua, khen thưởng;

- Một số khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác tổ chức, chỉ đạo, phong trào thi đua.

Điều 35. Nguyên tắc quản lý, sử dụng Quỹ Thi đua, Khen thưởng

1. Quỹ Thi đua, Khen thưởng của tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Ban Thi đua - Khen thưởng quản lý; Quỹ Thi đua, Khen thưởng của huyện, UBND huyện ủy quyền cho Phòng Nội vụ quản lý; Quỹ Thi đua, Khen thưởng của ngành, đơn vị do Thủ trưởng đơn vị quản lý; nguồn trích, tỷ lệ và mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch trong năm.

Việc quyết toán căn cứ số chi thường thực tế theo đúng các quyết định của UBND tỉnh. Cuối năm Quỹ Thi đua, Khen thưởng còn dư không sử dụng hết được chuyển năm sau để tiếp tục sử dụng cho công tác khen thưởng. Trường hợp nếu hàng năm chi vượt mức kế hoạch dự toán, Quỹ Thi đua, Khen thưởng không đủ thì Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh lập dự toán đề nghị UBND tỉnh cấp bổ sung.

2. Thủ trưởng cơ quan cấp nào ra quyết định khen thưởng thì chịu trách nhiệm chi tiền thưởng từ Quỹ Thi đua, Khen thưởng do cấp mình quản lý.

3. Tiền thưởng kèm theo các Quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ do UBND tỉnh trình khen thưởng được chi từ Quỹ Thi đua, Khen thưởng của tỉnh.

4. Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì được nhận mức tiền thưởng cao nhất.

5. Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua.

- Trong cùng thời điểm một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của cả hình thức khen thưởng.

6. Cá nhân, tổ chức có thành tích đóng góp ủng hộ các quỹ xã hội dưới hình thức tự nguyện; người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài và tập thể người nước ngoài được khen thưởng, kèm theo tặng phẩm lưu niệm.

7. Khen thưởng các chương trình mục tiêu, hội thi, hội diễn (khen chuyên đề) có nguồn kinh phí hoạt động riêng, khi đề nghị khen thưởng được sử dụng nguồn kinh phí đó để chi thường theo quy định. Trường hợp nguồn kinh phí chương trình

mục tiêu, hội thi, hội diễn không được trích thưởng thì mới được chi từ Quỹ Thi đua, Khen thưởng.

Điều 36. Mức tiền thưởng

1. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng của UBND tỉnh, huyện, thành phố, thị xã; xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các đơn vị trong tỉnh và chế độ ưu đãi được thực hiện theo quy định tại các Điều: 69, 73 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng

2. Các trường hợp khen thưởng đột xuất gương người tốt, việc tốt, hành động dũng cảm, đạt giải trong các hội thi, hội diễn... tùy theo thành tích và phạm vi tác dụng nêu gương và khả năng Quỹ Thi đua, Khen thưởng để khen thưởng động viên, khuyến khích cho từng trường hợp, nhưng không quá hai lần mức thưởng theo quy định. Trường hợp đặc biệt do Ban Thi đua - Khen thưởng trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

3. Trường hợp tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh về lĩnh vực nộp thuế thực hiện theo Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2015 về việc quy định đánh giá kết quả hoạt động và khen thưởng đối với các doanh nghiệp, doanh nhân trên địa bàn tỉnh.

Chương VII

CƠ CẤU TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG TỈNH

Điều 37. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh

1. Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh, là cơ quan tham mưu cho cấp ủy, chính quyền về công tác thi đua, khen thưởng của địa phương.

2. Thành phần Hội đồng, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Hội đồng có từ 03 đến 04 Phó Chủ tịch. Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh làm Phó Chủ tịch thường trực. Các Phó Chủ tịch và các ủy viên khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

3. Hội đồng có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn;

c) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng;

d) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn thành lập, quy định nhiệm vụ, quyền hạn, thành phần đối với Hội đồng thi đua, khen thưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh.

5. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh là cơ quan thường trực của Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh.

Chương VIII **XỬ LÝ VI PHẠM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 38. Xử lý vi phạm

Các trường hợp vi phạm Luật Thi đua, Khen thưởng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hậu quả do hành vi vi phạm gây ra sẽ bị xử lý theo quy định tại các Điều: 78, 79 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng

Điều 39. Tổ chức thực hiện

1. Đối với các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng được UBND tỉnh tặng thưởng cho các tập thể, cá nhân trước đây được xét vào thành tích liên tục của các tập thể, cá nhân theo quy định tại Quy chế này.

2. Ngoài các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng được quy định trong Quy chế này, các đơn vị, địa phương có thể có các hình thức động viên khác nhưng không trái với Luật Thi đua, Khen thưởng.

3. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các sở, ban, ngành, đoàn thể, chính quyền các cấp thực hiện Quy chế này và theo dõi tổng hợp những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế để trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chính

